

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2022/DS-PT

Ngày: 14/6/2022

“V/v tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ
Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2022/TLPT-DS ngày 10/5/2021 về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 118/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thái Ngọc P, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Thái Ngọc P: Anh Mai Hoàng T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Đường N, khu vực I, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ, sinh năm 1976; Địa chỉ:

Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

4. Người kháng cáo: Ông Thái Ngọc P là nguyên đơn.

Có mặt: Anh Mai Hoàng T, ông Nguyễn Thanh N, NLQ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Thái Ngọc P trình bày:

- Vào năm 2000, ông có nhờ cha vợ là ông Nguyễn Văn B chuyển nhượng của bà Nguyễn Kim A một cái líp thuộc một phần thửa đất 599b với giá 34.000.000 đồng, có lập giấy tay mua bán, do nhận chuyển nhượng trọn một cái líp nên không đo đạc xác định diện tích cụ thể nhưng giữa hai bên có xác định ranh như sau: phía mặt trời mọc giáp ranh với đất bà Nguyễn Thị Đ, chiều ngang đầu ngoài cặp mé sông V trại Quán kéo từ ranh bà Đ đến phía mặt trời lặn là 8,5m; chiều ngang phía sau cũng từ phía đất của bà Đ kéo qua đến mé mương là 12,6m. Sau khi xác định ranh thì giữa gia đình ông và vợ chồng bà Kim A có cắm 4 trụ đá ranh.

- Năm 2003, ông P đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi thực hiện thủ tục cấp giấy có đo đạc nên xác định được diện tích ông được cấp giấy là 761m² thuộc thửa 876 tờ bản đồ số 4a. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, năm 2003 ông đã xây dựng hàng rào ngay mé mương, do mé mương phía bên ông bị lở nên ranh đất của ông và đất của bà Kim A bị lở xuống mương, bà Kim A không cho ông xây hàng rào ở dưới mương vì vậy ông đã xây hàng rào trên đất của ông không phải vị trí ranh đất ban đầu. Hàng rào ông xây có chiều dài khoảng mười mấy mét, chiều cao khỏi mặt đất khoảng 0,5m; năm 2007 ông xây thêm một đoạn nhưng chưa hết đất.

- Năm 2010, Nhà nước thu hồi 264m² đất để xây dựng trường Tiểu Học B nên thửa đất 876 còn lại trên giấy chứng nhận quyền sử dụng là 497m². Năm 2016, bà Kim A tặng cho phần diện tích còn lại của thửa đất 599b cho ông Nguyễn Thanh N, khi ông N thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng có đo đạc thực tế, có xác định ranh và ông P cũng có ký tên giáp ranh cho ông N, cũng thời gian này nhà nước cải tạo sông V nên ông N đã lấp con mương giáp ranh với đất của ông và sử dụng. Năm 2017, ông N có thái độ chửi bới và đe dọa gia đình ông về vấn đề ranh đất nên ông có gửi đơn đến tổ hòa giải ấp T và Ủy ban nhân dân xã T. Ngày 11/01/2018, Ủy ban nhân dân xã T tiến hành hòa giải và hai bên thống nhất tiến hành cắm trụ đá ranh. Trụ thứ nhất là trụ đá cặp sông V, trụ thứ hai do ông N không đồng ý cắm ngay vị trí trụ đá cũ và cũng để ông xây hàng rào được thẳng nên hai bên có thỏa thuận dời trụ đá về phía đất

của ông. Sau khi cắm trụ đá xong ông đã xây tiếp hàng rào đến trụ đá đã thỏa thuận, xây cao hơn 1,8m và sử dụng cho đến nay. Tháng 03/2018, ông P có xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 876 nhưng khi đo đạc ông P có chỉ ranh đất là trụ đá phía sông V trại quán kéo thẳng đến trụ đá ranh cũ ở cuối đất nhưng ông N không đồng ý.

Nay ông Thái Ngọc P yêu cầu xác định ranh đất thửa 876 tờ bản đồ số 4a của ông P và thửa 209 tờ bản đồ số 44 của ông Nguyễn Thanh N là đường thẳng từ mốc 01 đến mốc 10 (theo sơ đồ đo đạc ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:

- Ông là con ruột của bà Nguyễn Thị Kim A. Vào khoảng năm 2000, mẹ ông có chuyển nhượng cho ông Thái Ngọc P một phần thửa đất 599b diện tích 761m² có vị trí chiều ngang phía trước cặp sông V trại quán là 8m có cắm trụ đá, chiều ngang phía sau khi đo đạc là 12,6m, chiều dài chạy dọc theo mé mương, khi chuyển nhượng mẹ ông và ông P có xác định ranh cụ thể là mé mương phía bên ông P, mẹ ông đã giao đất cho ông P sử dụng và ông P cũng xây hàng rào ngay vị trí ranh đất. Do sợ mé mương bị lở nên ông P có cắm nhiều trụ đá dọc theo mé mương đến hết đất. Năm 2007, ông được bà Kim A cho phần còn lại thửa đất 599b nên ông đã quản lý và sử dụng thửa đất 599b.

- Năm 2010, Nhà nước thu hồi phần đất phía sau của thửa 599b để làm trường Tiểu học B nên trụ đá phía sau đã không còn. Năm 2016, ông thực hiện thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 209 tờ bản đồ số 44, khi thực hiện thủ tục cấp giấy có đo đạc và ông Thái Ngọc P cũng ký tên xác định ranh. Theo đó trụ đá ranh phía ngoài vẫn là trụ đá cặp sông V trại quán, trụ đá ranh phía sau của ông và ông Thái Ngọc P cũng là trụ đá giáp ranh với Trường học. Khi được mẹ tặng cho thửa đất 599b, ông N đã lấp con mương giáp ranh với ông P để sử dụng.

- Cuối 2017 đầu năm 2018, do ông P có nhỏ trụ đá cặp mé sông nhưng cắm lại không đúng vị trí cũ nên ông không đồng ý vì vậy ông P đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi được Ủy ban nhân dân xã hòa giải hai bên đã cắm lại trụ đá: trụ đá đầu cặp sông V trại quán vẫn giữ như cũ, do ông P xây hàng rào chưa hết đất nên để hàng rào ông P được thẳng hai bên đã thống nhất phần cuối hàng rào đã xây sẽ dời sang phía của ông 05 phân chạy dọc ra phía sau đến trụ đá ranh phía sau sẽ dời về phía đất của ông P khoảng 0,2m. Cắm trụ ranh xong ông P xây hàng rào đến trụ đá đã thỏa thuận cắm theo đúng như nội

dung hòa giải.

Vì vậy ông Nguyễn Thanh N không đồng ý xác định ranh đất giữa thửa 209 tờ bản đồ số 44 và thửa 876 tờ bản đồ số 4a của ông Thái Ngọc P là đường thẳng từ mốc 01 đến mốc 10 (theo sơ đồ đo đạc ngày ngày 19/5/2020). Ông N xác định ranh đất giữa thửa 209 và thửa 876 là hiện trạng hàng rào của ông Thái Ngọc P đã xây dựng theo như Ủy ban nhân dân xã T đã hòa giải (theo các mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 – 9 theo sơ đồ đo đạc ngày 19/5/2020 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án huyện C đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Ngọc P.

2. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 876 tờ bản đồ số 4a do ông Thái Ngọc P đứng tên quyền sử dụng đất và thửa 209 tờ bản đồ số 44 do ông Nguyễn Thanh N đứng tên quyền sử dụng đất là mép ngoài hàng rào ông P xây dựng theo các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 29/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Tài sản của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải tháo dỡ di dời theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: ông Thái Ngọc P phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.334.000đ. Số tiền này ông P đã tạm nộp 3.534.000đ, ông Nguyễn Thanh N tạm nộp 800.000đ và đã chi xong nên ông P phải có trách nhiệm trả lại cho ông N 800.000 đồng.

4. Về án phí: Ông Thái Ngọc P nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 12/4/2022, nguyên đơn ông Thái Ngọc P kháng cáo, yêu cầu xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Mai Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Thái Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông Nguyễn Thanh N trả đất lấn ranh với diện tích 19m², xác định ranh đất giữa ông P và ông N là đoạn thẳng nối mốc 1 đến mốc 10 theo Sơ đồ đo đạc ngày 19/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh N không đồng ý yêu cầu khởi kiện, yêu cầu

kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Thái Ngọc P kháng cáo yêu cầu xác định ranh đất thửa 876 tờ bản đồ số 4a của ông P và thửa 209 tờ bản đồ số 44 của ông Nguyễn Thanh N là đoạn thẳng nối từ mốc 01 đến mốc 10, theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 29/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Thái Ngọc P thừa nhận nguồn gốc đất là vào năm 2000 bà Nguyễn Kim A chuyển nhượng cho ông 01 cái liếp đất thuộc một phần thửa 599b. Năm 2003, ông P đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt QSDĐ) thửa đất 876 tờ bản đồ số 4a, diện tích $761m^2$, có đo đạc. Ông P thừa nhận, tại thời điểm chuyển nhượng (năm 2000), ông P và bà Kim A xác định ranh đất ngay mé mương phía đất ông P. Tuy nhiên, ông P cho rằng năm 2003 mé mương phía ông P bị lở nên ranh đất bị lở xuống mương. Nhưng ông P không chứng minh được việc ranh đất bị lở, lở diện tích bao nhiêu, cũng không có trụ đá, cây trồng hoặc hiện trạng nào khác để chứng minh cho ranh đất bị lở như ông P trình bày. Đồng thời, con mương này chỉ sử dụng để thoát nước, không có phương tiện di chuyển, không sử dụng nuôi cá cho nên lời trình bày lở mương mất vị trí ranh của ông P là không phù hợp.

Ngược lại, năm 2003 ông P tiến hành xây dựng một phần hàng rào đoạn phía trước giáp đường đan. Khi đó giữa bà Kim A và ông P có tranh chấp về vị trí xây hàng rào. Tuy nhiên, ông P đã xây hàng rào theo vị trí bà Kim A yêu cầu từ mốc 1, 2, 3 đến mốc 4, điều này phù hợp với lời khai của người làm chứng là người xây hàng rào cho ông P. Việc ông P đồng ý xây hàng rào, chứng minh ông P đồng ý ranh đất ngay hàng rào từ mốc 1, 2, 3 đến mốc 4 theo theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 29/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

[2] Đối với diện tích đất đo đạc thực tế của thửa 876 ít hơn so với diện tích được cấp: Năm 2003, ông P được cấp QSDĐ diện tích $761m^2$, có đo đạc thực tế. Năm 2010, nhà nước thu hồi diện tích $264m^2$ nên diện tích đất còn lại

của thửa 876 trên giấy là 497m². Đo đạc thực tế có diện tích 439m², là ít hơn 55m² so với diện tích đất được cấp. Nội dung này đã được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ tại văn bản trả lời số 1829/UBND-NC ngày 19/5/2021 của Ủy ban huyện C xác định nguyên nhân diện tích ít hơn 55m² là do địa phương thực hiện công trình đường đôn X có sử dụng một phần thửa đất 876 tờ bản đồ số 4a của hộ ông Thái Ngọc P (bút lục số 174). Như vậy, lý do đất của ông P thiếu do diện tích được cấp là thu hồi đất để làm đường, cho nên không thể căn cứ vào diện tích đất còn lại trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cho rằng ông Nguyễn Thanh N đã lấn ranh đất của ông P.

[3] Đối với hiện trạng ranh đất:

- Như phân tích tại mục [1] đoạn ranh đất giáp đường đôn giữa thửa đất số 876 và thửa số 209 đã có tường gạch do ông P xây dựng từ năm 2003 từ mốc 1, 2, 3 đến mốc 4.

- Đối với ranh đất tiếp theo: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P thừa nhận năm 2007 tiếp tục xây hàng rào (tường gạch) từ mốc 4, 5 đến mốc 6 theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 29/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Việc ông P xây dựng hàng rào không phát sinh ranh chấp, đồng nghĩa với việc ông P xác định ranh đất là đoạn thẳng nối mốc 4, 5 đến mốc 6.

- Đoạn ranh đất tiếp theo: Năm 2010, Nhà nước thu hồi một phần đất của bà Kim A và ông P làm Trường tiểu học B, nên trụ đá ranh phía sau không còn. Vì vậy, trụ đá ở giữa do ông P cắm trở thành trụ đá ranh giữa ông P, ông N và trường tiểu học. Ông P cho rằng trụ đá tại mốc A là trụ đá được cắm từ năm 2010. Về phía ông N, thống nhất lời trình bày của ông N về việc năm 2010 có thu hồi đất và có cắm 01 trụ đá làm ranh đất giữa ba bên (ông P, ông N và Trường tiểu học). Tuy nhiên, ông N không đồng ý trụ đá tại mốc A là trụ đá được cắm vào năm 2010. Như vậy, lời trình bày của hai bên có sự mâu thuẫn.

Xét thấy, năm 2016 khi ông N được bà Kim A tặng cho QSDĐ thửa số 209, có đo đạc thực tế và ông P có ký tên giáp ranh khi ông N thực hiện hồ sơ cấp QSDĐ. Trong quá trình sử dụng, từ năm 2017 hai bên phát sinh tranh chấp ranh. Ông P đã gửi đơn khởi kiện đến UBND xã T. Theo đó, vị trí ranh đất giáp trường tiểu học Bình Tiên đã được Ủy ban nhân dân xã T hòa giải tại thực địa vào ngày 11/01/2018 (có lập biên bản hòa giải). Theo đó, hai bên đã thống nhất cắm trụ ranh đất giáp trường tiểu học B là mốc 9. Sau khi cắm trụ, ông P đã xây tiếp hàng rào từ mốc 6, 7, 8 đến mốc 9 (đến hết đất) và sử dụng ổn định cho đến nay.

Như vậy, ông P cho rằng ranh giới QSDĐ giữa thửa 876 và thửa 209 là đoạn thẳng nối từ mốc 1 đến mốc 10, nhưng ông P không có tài liệu, chứng cứ chứng minh được vị trí ranh này. Hiện trạng đất không có trụ đá, không có mé mương như lời trình bày của ông P. Ngược lại, từ năm 2003 – 2018, ông P đã

xây dựng hàng rào kiên cố từ mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 đến mốc 9, ông P cho rằng xây không ngay vị trí ranh nhưng không có văn bản thỏa thuận nào khác giữa bà Kim A, ông N về một vị trí ranh đất nào khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Thái Ngọc P kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quá trình sử dụng đất giữa hai bên đã nhiều lần xác định ranh giới quyền sử dụng đất, gần nhất là thống nhất ranh theo hòa giải của UBND xã T vào ngày 11/01/2018. Căn cứ vào hiện trạng hàng rào vẫn còn giữ nguyên, phần đất của bên nào bên đó sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 876, tờ bản đồ số 4a của ông Thái Ngọc P và thửa 209, tờ bản đồ số 44 của ông Nguyễn Thanh N là mép ngoài hàng rào ông P xây dựng theo các mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 – 9 theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 29/03/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C là phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Ngọc P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Tuy nhiên, phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá (ghi nhận các cây trồng) cùng ngày 19/5/2020 của Tòa án huyện C. Do đó, cần bổ sung phần tuyên xử nội dung này để đảm bảo việc thi hành bản án.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Ngọc P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, nên ông Thái Ngọc P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Ngọc P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Ngọc P.

2. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 876 tờ bản đồ số 4a do ông Thái Ngọc P đứng tên quyền sử dụng đất và thửa 209 tờ bản đồ số 44 do ông Nguyễn Thanh N đứng tên quyền sử dụng đất là mép ngoài hàng rào ông P xây dựng theo các mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 – 9, đất tạo lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Tài sản của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải tháo dỡ di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá cùng ngày 19/5/2020 của Tòa án huyện C.)

3. Về chi phí tố tụng: ông Thái Ngọc P phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.334.000đ. Số tiền này ông P đã tạm nộp 3.534.000đ, ông Nguyễn Thanh N tạm nộp 800.000đ nên ông P phải có trách nhiệm trả lại cho ông N 800.000 đồng.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Thái Ngọc P nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005710 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thái Ngọc P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.00 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009093 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh

